

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Kế toán – – –

(Ban hành theo Quyết định số 1836/QĐ-ĐHHD, ngày 11 tháng 11 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng việt: Kế toán

+ Tiếng anh: Accounting

- Số quyết định của BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ: 1831/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2017

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8.34.01.01

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng việt: Thạc sĩ Kế toán

+ Tên tiếng anh: Master of Accounting

- Khoa đào tạo: Khoa KT- QTKD

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ Thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng: có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định, có đạo đức nghề nghiệp; ý thức trách nhiệm đối với đất nước, dân tộc, có nghĩa vụ phục vụ nhân dân, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được giao; nắm vững các kiến thức lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học kinh tế nói chung và khoa học kế toán nói riêng;

- Có khả năng tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị; Có kiến thức và khả năng hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chiến lược về các hoạt động kinh tế tài chính.

- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn tài chính – kế toán trong đơn vị;

- Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong các hoạt động chuyên môn ngành Kinh tế nói chung và ngành Kế toán nói riêng.

- Sử dụng thành thạo máy tính trong việc soạn thảo văn bản, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin, xử lý số liệu kế toán và trình bày các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

- Có chứng chỉ tiếng Anh B2 châu Âu hoặc bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để nghe hiểu, viết và trình bày các báo cáo về chuyên ngành Kế toán, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề về chuyên ngành Kế toán.

2.2.2. Về kỹ năng mềm:

Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải.

Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô.

Kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu để rút ra thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định.

Kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

Tổ chức làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng tự chịu trách nhiệm với công việc được giao và giải quyết vấn đề.

Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ đồng nghiệp, khách hàng.

Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại trong quản lý;

2.2.3. Về thái độ

Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi hạch toán các nghiệp vụ tài chính – kế toán;

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh.;

Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc;

Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

2.2.4. Về đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;
- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;
- Đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2.5. Về năng lực

- Có khả năng nghiên cứu những vấn đề lý luận kế toán; tham gia hoạch định và tổ chức chỉ đạo thực hiện các vấn đề tài chính – kế toán; tư vấn cho nhà lãnh đạo trong các quyết định tài chính – kế toán.

- Có thể giới thiệu, thuyết trình những vấn đề kinh tế; có thể tham gia công tác lãnh đạo và kế toán trưởng trong các đơn vị.

Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sỹ Kế toán có thể làm việc tốt trong mọi lĩnh vực thuộc về tài chính – kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế và tư vấn ở cả khu vực công lẫn các khu vực khác như: các tổ chức phục vụ lợi ích công cộng, các quỹ học bổng hoặc từ thiện, các tổ chức và viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, các công ty tư vấn, công ty tài chính, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, truyền thông, công ty đa quốc gia, các công ty khoa học và công nghệ ứng dụng

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Thi tuyển

Môn thi tuyển sinh:

- Môn chủ chốt: **Nguyên lý kế toán**
- Môn không chủ chốt: **Lý thuyết tài chính tiền tệ**
- Môn Ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

3.1.2. Xét tuyển

Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sỹ tại Trường ĐH Hồng Đức

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành Kế toán là Cử nhân Kế toán

- Người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Kế toán và đã học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán.

3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp:

Học viên không phải học chuyển đổi trong trường hợp: Đã tốt nghiệp đại học trong thời gian 10 năm (120 tháng) trở lại, kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày dự thi tuyển sinh ngành Kế toán hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán của trường Đại học Hồng Đức đang áp dụng tại thời điểm tuyển sinh.

3.4. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung:

Học viên phải học chuyển đổi gồm:

- **Nhóm 1:** Đã tốt nghiệp đại học với thời gian quá 10 năm (120 tháng), kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày dự thi tuyển sinh ngành Kế toán hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán của trường Đại học Hồng Đức đang áp dụng tại thời điểm tuyển sinh và đã học bổ sung kiến thức 03 môn (6 tín chỉ):

+ Kế toán tài chính	2 tín chỉ
+ Kế toán quản trị	2 tín chỉ
+ Nguyên lý kế toán	2 tín chỉ

- **Nhóm 2:** Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh và quản lý trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp III (trừ trường hợp đã quy định tại mục 4.2.1a và 4.2.1b hoặc ngành có chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo Đại học Kế toán của trường Đại học Hồng Đức và đã học bổ sung kiến thức 05 môn (10 tín chỉ):

+ Kế toán tài chính	2 tín chỉ
+ Kế toán quản trị	2 tín chỉ
+ Nguyên lý kế toán	2 tín chỉ
+ Kiểm toán căn bản	2 tín chỉ
+ Kiểm toán BCTC	2 tín chỉ

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức:

Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Kinh tế; có tư duy khoa học trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh.

Có kiến thức cơ bản, hiện đại chuyên sâu về Kế toán, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo; có tư duy phản biện; làm chủ kiến thức chuyên ngành để thực hiện các công việc trong nghiên cứu và giảng dạy Kế toán; có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

Luận văn cao học phải là một báo cáo khoa học của chính học viên, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu khoa học, mang tính thời sự thuộc chuyên ngành Kế toán, phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

1.2. Năng lực ngoại ngữ:

Có năng lực về trình độ tiếng Anh, chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS, chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

Có thể hiểu ý chính của của một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề trong lĩnh vực chuyên ngành Kế toán; Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau thuộc lĩnh vực chuyên ngành Kế toán

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- *Năng lực tự chủ:* Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Kế toán; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực Kế toán. Chủ động trong

việc thực hiện các công việc của kế toán, có khả năng đề xuất xây dựng bộ máy kế toán, thực hiện vai trò lãnh đạo của kế toán trưởng trong đơn vị và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện.

Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn về công tác kế toán.

- Năng lực tự chịu trách nhiệm

Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ và công việc được giao thuộc lĩnh vực Kế toán.

Có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn:

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, khó dự báo thuộc lĩnh vực Kế toán; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát hiện những tri thức mới trong nghiên cứu và giảng dạy chuyên ngành Kế toán.

2.2. Các kỹ năng bổ trợ:

Có kỹ năng tổng hợp, thống kê, xử lý và phân tích dữ liệu thực tế để vận dụng vào công tác chuyên môn.

3. Phẩm chất đạo đức:

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, luôn chấp hành tốt mọi nội quy của cơ quan, pháp luật của Nhà nước và các quy định của nơi cư trú.

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức.

- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tính chính trực: Phải thẳng thắn, trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh;

- Tính khách quan: Không cho phép sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc bất cứ ảnh hưởng không hợp lý nào chi phối các xét đoán chuyên môn và kinh doanh của mình;

- Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Thể hiện, duy trì sự hiểu biết và kỹ năng chuyên môn cần thiết nhằm đảm bảo rằng khách hàng hoặc chủ doanh nghiệp được

cung cấp dịch vụ chuyên môn có chất lượng dựa trên những kiến thức mới nhất về chuyên môn, pháp luật và kỹ thuật, đồng thời hành động một cách thận trọng và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng;

- Tính bảo mật: Phải bảo mật thông tin có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh, vì vậy, không được tiết lộ bất cứ thông tin nào cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của bên có thẩm quyền, trừ khi có quyền hoặc nghĩa vụ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan quản lý hoặc tổ chức nghề nghiệp, và cũng như không được sử dụng thông tin vì lợi ích cá nhân của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc của bên thứ ba;
- Tư cách nghề nghiệp: Phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình.

4. Những vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp học viên có thể ứng tuyển công việc như: kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, giám đốc tài chính, chuyên gia phân tích, dự báo kinh tế, tài chính, ... của các đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, ngân hàng.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60 (tín chỉ)
Khối kiến thức chung	12 (tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở:	15 (tín chỉ)
Bắt buộc:	07 (tín chỉ)
Tự chọn:	08 (tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành:	18 (tín chỉ)
Bắt buộc:	08 (tín chỉ)
Tự chọn:	10 (tín chỉ)
Luận văn thạc sỹ:	15 (tín chỉ)

2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP		Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học kỳ	Bộ môn phụ trách
	Phần chữ	Phần số			LT	BT/TH	Tự học		

I. Phần kiến thức chung								
1	HĐTH	501	Triết học	4	2,4	1,6	1	Khoa LLCT-Luật
2	HĐTA KTTA	502	Tiếng Anh	6	3,6	2,4		
			+ Tiếng Anh 1	3	1,8	1,2	1	Khoa NN
			+ Tiếng Anh 2 (Chuyên ngành)	3	1,8	1,2	2	BM KTTC
3	KTPP	503	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,2	0,8	1	BM TK-TKT
II. Khối kiến thức cơ sở								
Các học phần bắt buộc								
1	KTLT	504	Lý thuyết kế toán	3	1,8	1,2	1	BM KTQT
2	KTKI	505	Lý thuyết kiểm toán	2	1,2	0,8	1	BM KTTC
3	KTTT	506	Thị trường và các định chế tài chính	2	1,2	0,8	1	BM TCNH
Các học phần lựa chọn (4/8)								
1	KTLU	507	Luật kế toán và ứng dụng	2	1,2	0,8	2	BM KTTC
2	KTHT	508	Hệ thống thông tin kế toán	2	1,2	0,8	2	BM KTQT
3	KTDN	509	Quản trị tài chính DN nâng cao	2	1,2	0,8	2	BM TCNH
4	KTQL	510	Quản lý vùng lãnh thổ kinh tế	2	1,0	1,0	2	BM KT
5	KTKT	511	Kinh tế học quản lý	2	1,2	0,8	2	BM KT
6	KTLĐ	512	Lãnh đạo và quản lý	2	1,2	0,8	2	BM QTKD
7	KTHV	513	Hành vi tổ chức	2	1,2	0,8	2	BM QTKD
8	KTCM	514	Chuẩn mực kế toán	2	1,2	0,8	2	BM KTTC
III. Khối kiến thức chuyên ngành								

Các học phần bắt buộc									
1	KTTC	515	Kế toán tài chính nâng cao	2	1,2	0,8		2	BM-KFTC
2	KTQT	516	Kế toán quản trị nâng cao	2	1,2	0,8		3	BM KTQT
3	KTBC	517	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	2	1,2	0,8		3	BM KTTC
4	KTPT	518	Phân tích hoạt động kinh tế	2	1,2	0,8		2	BM KTQT
Các học phần lựa chọn (5/9)									
1	KTCS	519	Chính sách và nghiệp vụ thuế	2	1,2	0,8		3	BM TCNH
2	KTLP	520	Phân tích báo cáo tài chính	2	1,2	0,8		3	BM KTTC
3	KTTN	521	Kế toán trách nhiệm	2	1,2	0,8		3	BM KTQT
4	KTSN	522	Quản lý tài chính công	2	1,2	0,8		3	BM TCNH
5	KTPT	523	Phân tích quyết toán	2	1,2	0,8		3	BM KTQT
6	KTNS	524	Kiểm toán Ngân sách nhà nước	2	1,2	0,8		3	BM KTTC
7	KTCL	525	Quản trị chiến lược trong tổ chức	2	1,2	0,8		3	BM QTKD
8	KTNN	526	Kế toán công	2	1,2	0,8		3	BM KTQT
9	KTNC	527	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	1,2	0,8		3	BM KT
IV	KTLV	528	Luận văn thạc sỹ	15				4	
Tổng cộng:				60					

3. Tiến trình đào tạo trong hai năm học

Học kỳ	Tổng số học phần	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
I	6 học phần	16 tín chỉ	
II	7 học phần	15 tín chỉ	

III	7 học phần	14 tín chỉ	
IV	1 học phần	15 tín chỉ	

4. Mô tả tóm tắt học phần

4.1. TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN (*Philosophy of Maxism*) 4TC (36; 48; 0)

4.1.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sỹ học khối ngành KHXH&NV đã trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.3. Năng lực cần đạt được:

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.14. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết
- + Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXX và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội 2016.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội 2016.

2. Bùi Thanh Quát (chủ biên), *Lịch sử Triết học*, Nxb Giáo dục 1999.

Trọng số 50% (Tỷ lệ điểm, mục đích, yêu cầu, hình thức)

4.1.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.2. TIẾNG ANH 1 (*English 1*)

4.2.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Verbs to express “likes” and “dislikes”.
2. Present Simple
3. Present Continuous

4. Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in
5. Comparatives and Superlatives
6. Sentence patterns: so/such + adjective/adverb; too /enough ... to
7. Extremely adjectives
8. Describing people
9. Past Simple
10. Used to + V
11. Passive and Active
12. Sentence patterns: owing to/due to
13. Express agreeing and disagreeing
14. Suggesting
15. May, might, could
16. Quantifiers
17. Should / ought to
18. Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs
19. Past continuous and past simple
20. Conjunctions
21. Sentence patterns: despite / in spite of

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

1. Hobbies and interests
2. Communication and technologies
3. Family and furniture
4. Daily life
5. Food occasions
6. Going to the doctor
7. Forms of transport

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B2. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

* **Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* **Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

* **Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B2.

4.2.3. Năng lực cần đạt được:

* *Về mặt từ vựng, ngữ pháp:*

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học.

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết.

* *Về kỹ năng Nghe*

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B2 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu, ...)

* *Về kỹ năng Nói & Phát âm*

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

* *Về kỹ năng Đọc*

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu, ...)

* *Về kỹ năng Viết*

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính:

[1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (Ký hiệu HLBB2)

[2]. Nguyễn Thị Quyết. 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A* (cuốn 1). Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

[3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File - Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa

[2]. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press

4.2.6. Hình thức thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.3. TIẾNG ANH 2 (*English 2*)

3TC (27;36;0)

4.3.1/ Tóm tắt nội dung học phần:

Bên cạnh việc cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ và các vấn đề khái quát chung về tiếng Anh chuyên ngành kinh tế, học phần tập trung cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kế toán bằng tiếng Anh. Từ đó người học có thể sử dụng khá thành thạo tiếng Anh chuyên ngành kế toán để làm việc, nghiên cứu

4.3.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được: Người học nắm được các thuật ngữ và các vấn đề khái quát về tiếng Anh chuyên ngành kế toán và các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực

kế toán bằng tiếng Anh. Cụ thể là các nội dung khái quát bằng tiếng Anh về Kế toán, Báo cáo tài chính, Kế toán chi phí, Kiểm toán, Kế toán quản trị. Thông qua các chủ đề, tình huống giao tiếp tại công sở nơi làm việc, học viên phát triển các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết đảm bảo yêu cầu công việc Kế toán - Kiểm toán.

4.3.3/ Năng lực cần đạt được:

- Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống. Có thể trình bày có chuẩn bị trước một vấn đề, đề tài quen thuộc trong lĩnh vực kế toán, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

- Có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói về các chủ đề liên quan đến kế toán với tốc độ lời nói chậm đến trung bình; Theo dõi được một bài giảng hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành/lĩnh vực kế toán. Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và một vài chi tiết trong khi nghe.

- Có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản đơn giản (ba đến năm đoạn) trong lĩnh vực kế toán.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn; có thể làm báo cáo, tóm tắt và đưa ra ý kiến về các thông tin, sự kiện về những đề tài liên quan đến lĩnh vực kế toán.

4.3.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học: 4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phân kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.3.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

- **Giáo trình chính:** 1. English for Accounting, Student Book, Oxford, 2014.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Alice Oshima, Ann Hogue, *Writing Academic English*, Nxb Trẻ, 2004
2. Elaine Kirn, Pamela Hartmann, *A reading Skill Book*, Printed in Singapore, -1985
3. Fraaida Dubin & Elite Olshtain, *Reading By All Means*, Addison Wesley Publishing Copany, 1981.
4. Gerald Mosback, Vivienne Moaskak, *Practical Faster Reading*, Cambridge University Press, 1976.

4.3.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (*Science Research Methods* 2TC (18;24;0)

4.4.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm trình bày lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu định lượng nói riêng để các học viên cao học có được kiến thức và kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện đề tài luận văn thạc sỹ. Ngoài việc giới thiệu cho người học những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, học phần trình bày phương pháp tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, phương pháp nghiên cứu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực Kinh tế và QTKD. Cuối cùng, học phần giới thiệu những khuôn mẫu chung và những quy định hiện hành ở Việt Nam về trình bày Báo cáo khoa học của đề tài nghiên cứu khoa học và Luận văn thạc sỹ. Ở mỗi chương đều có phần thực hành rèn luyện các kỹ năng thông qua việc sử dụng các kiến thức của chương để thực hiện một số công việc có liên quan đến viết luận văn thạc sỹ.

4.4.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Xây dựng được quy trình nghiên cứu khoa học
- Xác định được vấn đề nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Xác lập giả thuyết nghiên cứu và đặt tên cho đề tài nghiên cứu
- Biết cách viết phần tổng quan tài liệu nghiên cứu
- Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài nghiên cứu
- Xác định được phương pháp nghiên cứu một vấn đề kinh tế
- Thu thập được các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu

- Xử lý được thông tin nghiên cứu bằng các phương pháp tổng hợp và phân tích dữ liệu như phân tích thống kê mô tả, phân tích mối quan hệ, phân tích sự khác biệt, kiểm định giả thuyết nghiên cứu.

- Trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

4.4.3/ Năng lực cần đạt được

Về kiến thức :

- Học viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu. Sau khi hoàn thành môn học, học viên có thể làm được các công việc cụ thể sau:

+ Hiểu được quy trình nghiên cứu khoa học của một vấn đề cụ thể theo phương pháp định lượng

+ Xác định được vấn đề nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Xác lập giả thuyết nghiên cứu và đặt tên cho đề tài nghiên cứu

+ Biết cách viết phần tổng quan tài liệu nghiên cứu

+ Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài nghiên cứu

+ Xác định được phương pháp nghiên cứu một vấn đề kinh tế

+ Thu thập được các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu

+ Xử lý được thông tin nghiên cứu bằng các phương pháp phân tích định lượng và định tính

+ Biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.

- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế.

- Kỹ năng sử dụng các phần mềm SPSS, Eviews căn bản trong phân tích, xử lý dữ liệu kinh tế.

- Có kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học

- Kỹ năng thuyết trình bài nghiên cứu khoa học.

**** Mục tiêu về thái độ:***

- Học viên chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết luận văn thạc sĩ trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Khởi gợi cho học viên hứng thú nghiên cứu khoa học.
- Học viên có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các bước trong quá trình viết luận văn thạc sĩ.

- **Tóm tắt nội dung học phần** (Tóm tắt trong khoảng 150 từ)

Nội dung của học phần bao gồm trình bày lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học, thảo luận và thực hành các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học theo phương pháp định lượng để các học viên cao học có được kiến thức và kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện làm luận văn thạc sĩ. Ngoài việc giới thiệu cho người học những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, học phần trình bày các phương pháp trong phân tích định lượng như phân tích thống kê mô tả, phân tích mối quan hệ, phân tích sự khác biệt, kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Cuối cùng, học phần giới thiệu những khuôn mẫu chung và những quy định hiện hành ở Việt Nam về trình bày Báo cáo khoa học của đề tài nghiên cứu khoa học và luận văn thạc sĩ.

4.4.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.4.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

+ Trần Tiến Khai, *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội, 2014.

+ Nguyễn Văn Thắng, *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, năm 2014.

- Tài liệu tham khảo

+ Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và tập 2, NXB Hồng Đức, 2015

+ PGS. TS. Vũ Ngọc Pha, Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Lao động – xã hội, 2013.

4.4.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.5. LÝ THUYẾT KẾ TOÁN (*Theories of Accounting*) 3TC (27;36;0)

4.5.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp bao gồm: Xây dựng các trung tâm trách nhiệm; đánh giá thành quả quản lý ở các trung tâm trách nhiệm và xây dựng các báo cáo trách nhiệm. Và bản chất của kế toán trách nhiệm với môi trường, xã hội.

4.5.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tổng quan về kế toán trách nhiệm, nắm được khái niệm, bản chất, vai trò và mối quan hệ giữa kế toán trách nhiệm với tổ chức phân cấp quản lý. Tổ chức các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp, xác định được các chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm, xây dựng hệ thống báo cáo trách nhiệm trong doanh nghiệp. Hiểu được bản chất kế toán trách nhiệm với xã hội, môi trường và các bên liên quan.

4.5.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kế toán trách nhiệm. Tổ chức các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp, xác định được các chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm. Hiểu được bản chất kế toán trách nhiệm với xã hội, môi trường và các bên liên quan.

b) Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kế toán trách nhiệm để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu kiến thức về kế toán trách nhiệm đã được nghiên cứu trong chương trình ở bậc đại học.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

4.5.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.5.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014.

- Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB. Tài chính, 2009
2. TS Đoàn Ngọc Quế, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015.
3. PGS.TS Phạm Văn Dược, Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập, NXB Thống kê, 2010.
4. Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.5.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.6. LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN (*Theories of Auditing*) 2TC (18;24;0)

4.6.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức mang tính hệ thống về lý thuyết kiểm toán. Sau khi nghiên cứu môn học, học viên có đầy đủ sự hiểu biết cơ bản về kiểm toán, làm nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn trong lĩnh vực kiểm toán

4.6.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cốt lõi bao gồm các nội dung: Tổng quan về kiểm toán, các thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong hoạt động kiểm toán, quy trình kiểm toán và phương pháp kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán.

4.6.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kiểm toán, các thuật ngữ cơ bản sử dụng trong kiểm toán, phương pháp và quy trình kiểm toán.

b) Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về lý thuyết kiểm toán để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu kiến thức về kiểm toán căn bản đã được nghiên cứu trong chương trình ở bậc đại học.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

4.6.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.6.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

(1). TS. Nguyễn Viết Lợi, Th.S. Đặng Ngọc Châu , Giáo trình Lý thuyết kiểm toán, NXB. Tài chính, 2013.

- **Tài liệu tham khảo**

1. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh; TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, Lý thuyết kiểm toán, NXB. Tài chính, 2012.

2. Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

3. Các chuẩn mực kế toán ; Thông tư 53/2006 - TT/ BTC ngày 12/06/2006 của Bộ tài chính

4. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo các quyết định:

- Quyết định 120/1999/QĐ-BTC ngày 27/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 219/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 143/2001/QĐ-BTC ngày 21/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 28/2003/QĐ-BTC ngày 14/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 193/2003/QĐ-BTC ngày 28/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 03/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 101/2005/QĐ-BTC ngày 29/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

4.6.6/ Hình thức thi hết học phần : Viết

4.7. THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH (*Markets and Financial Institutions*) 2TC (18;24;0)

4.7.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về thị trường tài chính, trên cơ sở đó đi sâu phân tích bản chất cấu trúc của thị trường tài chính; chức năng, vai trò của thị trường tài chính; đặc điểm của các công cụ tài chính ngắn hạn, các công cụ tài chính dài hạn; vai trò và các loại hình tổ chức tài chính trung gian; mục tiêu, các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; phân tích các chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính – tiền tệ.

4.7.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Thị trường tài chính: Cơ sở ra đời, hình thành và phát triển thị trường tài chính; Cách thức phân loại thị trường tài chính; Đặc điểm của từng thị trường; Các công cụ của thị trường tài chính; Chức năng và vai trò của thị trường tài chính.
- Thị trường tiền tệ: Đặc điểm, các bộ phận của thị trường tiền tệ; Vai trò, chức năng của thị trường tiền tệ; Các công cụ lưu thông trên thị trường tiền tệ.
- Các loại hình tổ chức tài chính trung gian: Đặc điểm, sự khác biệt giữa các tổ chức tài chính trung gian; Quy chế quản lý các trung gian tài chính.
- Lãi suất và các phép đo lãi suất: phân loại lãi suất, nắm vững các phương pháp tính lãi suất, vai trò của lãi suất trong nền kinh tế thị trường.
- Các định chế tài chính là ngân hàng: chức năng của NHTM, NHTW, mục tiêu và công cụ của chính sách tiền tệ.

4.7.3/ Năng lực cần đạt được

Về kiến thức:

Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về thị trường tài chính, cách phân loại thị trường tài chính, các công cụ của thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian và các kỹ thuật cơ bản khi phân tích thị trường tài chính, các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước; ứng dụng thành thạo các phương pháp tính lãi suất đối với các công cụ tài chính.

Về kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thị trường tài chính, phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng.

- Học viên có thể xây dựng, hoạch định, đánh giá các chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ của đơn vị.

- Lựa chọn việc phát hành chứng khoán huy động vốn phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

- Xác định lãi suất của các công cụ tài chính theo các phương pháp khác nhau.

- Giao dịch, đàm phán với khách hàng trong các tổ chức tài chính trung gian.

Về thái độ: Học viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tôn trọng lợi ích của khách hàng, của nhân dân; có tác phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4.7.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.7.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

.1. Học liệu bắt buộc

GS.TS Nguyễn Văn Tiến; Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, NXB Thống kê năm 2011.

.2. Học liệu tham khảo thêm

1. Nguyễn Ngọc Vũ, *Giáo trình thị trường và các định chế tài chính*, NXB Đà Nẵng, 2009.

2. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài; *Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ*, NXB Thống kê năm 2007.

3. Frederic S.Mishkin, *Tiền tệ, Ngân hàng & Thị trường Tài chính*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2008.

4.7.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.8. LUẬT KẾ TOÁN VÀ ỨNG DỤNG

4.8.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các quy định của pháp luật trong công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, và những quy định đối với người làm kế toán, vận dụng các quy định của pháp luật về kế toán để áp dụng vào thực tiễn công tác kế toán các đơn vị và hoạt động dịch vụ kế toán.

4.8.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Người học nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về luật kế toán, các quy định của luật kế toán đối với tổ chức công tác kế toán, người làm kế toán và thực hiện hoạt động dịch vụ kế toán cũng như quản lý nhà nước đối với các hoạt động kế toán

4.8.3/ Năng lực cần đạt được

a. Về kiến thức:

Người học nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về luật kế toán, các quy định của luật kế toán đối với tổ chức công tác kế toán, người làm kế toán và thực hiện hoạt động dịch vụ kế toán cũng như quản lý nhà nước đối với các hoạt động kế toán.

b. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

Người học có thể thực hiện vận dụng các quy định pháp luật về kế toán để thực hiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị, thực hiện các dịch vụ kế toán trong hoạt động nghề nghiệp và kỹ năng về quản lý đối với hoạt động kế toán tại các đơn vị

c. Chuẩn đầu ra về năng lực và thái độ:

Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm đọc trước phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình. Giảng viên chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, trên lớp chủ yếu để giới thiệu những nội dung cơ bản mà không trình bày tất cả các nội dung của đề cương. Truyền đạt và phát huy năng lực

của người học để có thể giải quyết được những tình huống cụ thể, thực tế tại đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực kế toán

4.8.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.8.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

[1] Quốc hội (2015), Luật số 88/2015/QH13: Luật kế toán, ngày 20 tháng 11 năm 2015.

[2] Vũ Văn Cương, Đinh Tiểu Khê, Lê Ngọc Thắng (2012), Pháp luật kế toán, Học viện ngân hàng

- **Tài liệu tham khảo**

[1] Thông tư số 107/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10 tháng 10 năm 2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

[2] Bộ tài chính (2015), chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1+2 theo thông tư 200/2014/TT-BTC, Nhà xuất bản Lao Động.

[3] Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

[4] Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.8.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.9. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN(*Accounting information system*) 2TC

(18;24;0)

4.9.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các vấn đề chung về hệ thống thông tin kế toán, các công cụ mô tả và tổ chức cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; hệ thống thông tin kế

toán và chu trình doanh thu; hệ thống thông tin kế toán và chu trình chi phí; hệ thống thông tin kế toán và chu trình sản xuất nguồn nhân lực, tài chính.

4.9.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Bao gồm các kiến thức chuyên sâu như khái niệm về hệ thống, bản chất của hệ thống thông tin kế toán, phân loại hệ thống thông tin kế toán, hiểu được cơ sở dữ liệu và các chu trình kế toán, bao gồm chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình nguồn lực, tài chính.

4.9.3/ Năng lực cần đạt được

a. Về kiến thức:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan hệ thống thông tin kế toán; Các công cụ mô tả và tổ chức cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán; Hệ thống thông tin kế toán và chu trình doanh thu; Hệ thống thông tin kế toán và chu trình chi phí; Hệ thống thông tin kế toán và chu trình sản xuất nguồn nhân lực, tài chính. Giúp học viên hiểu được nguồn cơ sở dữ liệu, bản chất các chu trình kế toán, từ đó thực hiện được việc phân tích và vận hành hệ thống thông tin kế toán.

b. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

Người học có thể thực hiện được việc phân tích và vận hành hệ thống thông tin kế toán thông qua các nguồn cơ sở dữ liệu. Xử lý các tình huống có liên quan đến từng nội dung theo sự hướng dẫn của giáo viên. Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản của môn học vào học tập nghiên cứu các môn học khác và phục vụ cho viết luận văn tốt nghiệp.

c. Chuẩn đầu ra về năng lực và thái độ:

Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm đọc trước phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình. Giảng viên chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, trên lớp chủ yếu để giới thiệu những nội dung cơ bản mà không trình bày tất cả các nội dung của đề cương. Truyền đạt và phát huy năng lực của người học để có thể giải quyết được những tình huống cụ thể, thực tế tại doanh nghiệp.

4.9.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.9.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

[1] Trần Phước - Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, NXB ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh; năm 2009.

[2] Nguyễn Thế Hưng- Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, NXB Thống kê; năm 2006.

- **Giáo trình tham khảo:**

[1] Luật Kế toán năm 2015, số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

[2] Bộ môn hệ thống TT kế toán, ĐH Kinh tế HCM (2011), Hệ thống thông tin kế toán, NXB Phương Đông

[3] Ulric J. Gelinas, Jr, Steve G. Sutton (2005), Accounting Information Systems, Published by South-Western College.

[4] Marshall B. Romney (2014), Accounting Information Systems, Global Edition.

[5] Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.9.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.10. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (*Advanced Corporate Finance Management*) 2TC (18;24;0)

4.10.1. Tóm tắt nội dung

Học phần bao gồm những nội dung chính về những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp

4.10.2 Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên hiểu được bản chất và vai trò của tài chính doanh nghiệp, nắm được những vấn đề cơ bản của công tác quản trị tài chính. Học viên được rèn luyện các kỹ

năng: kỹ năng phân tích, đánh giá các báo cáo tài chính, đánh giá chi phí các nguồn tài trợ, lựa chọn phương án đầu tư, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và làm việc theo nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp, kỹ năng tư duy, phân tích và tổng hợp số liệu.

4.10.3 Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên có năng lực ra quyết định dựa trên việc phân tích dự toán vốn đầu tư để đầu tư; có năng lực phân tích để lựa chọn loại hình tài trợ; có năng lực quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn của doanh nghiệp; có năng lực phân tích để tiến hành mua bán, sáp nhập cũng như chống lại việc thôn tính thông qua mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

b) Kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp.
- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và làm việc theo nhóm
- Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp

c) Thái độ: có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tác phong cách làm việc khoa học, chính xác.

4.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.10.5. Danh mục tài liệu tham khảo

.1. Học liệu bắt buộc

- Nguyễn Minh Kiều; (2010), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Thống Kê.

.2. Học liệu tham khảo thêm

- Phạm Quan Trung, (2012), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân

- David Whitehurst,(2002), Fundamentals of Coporate Finance, McGraw-Hill/Irwin.

4.10.6. Hình thức thi hết học phần: Viết – – –

4.11. QUẢN LÝ VÙNG LÃNH THỔ KINH TẾ (*Management development and territories*) 2TC (18;24;0)

4.11.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học bao gồm: Tổ chức lãnh thổ kinh tế, tổ chức lãnh thổ kinh tế tổng hợp và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

4.11.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Một số vấn đề chung về lãnh thổ kinh tế
- Một số vấn đề chung về quản lý lãnh thổ kinh tế
- Quản lý các lãnh thổ kinh tế-Hành chính
- Quản lý các lãnh thổ kinh tế đặc thù

4.11.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên làm chủ được những kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng và tiên tiến về quản lý lãnh thổ kinh tế, bao gồm: một số vấn đề chung về lãnh thổ kinh tế; một số vấn đề về quản lý lãnh thổ kinh tế; quản lý các lãnh thổ kinh tế - hành chính và quản lý các lãnh thổ kinh tế đặc thù

b) Kỹ năng: Học viên có kỹ năng

- Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ, tổ chức các hoạt động theo nhóm, câu lạc bộ, xémina; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quản lí lãnh thổ ở Việt Nam

- Phát hiện và giải quyết được những vấn đề quản lí lãnh thổ kinh tế, quản lí quy hoạch lãnh thổ đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam.

- Truyền đạt được những kiến thức về quản lí lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ cho người khác dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề tổ chức lãnh thổ, quy hoạch lãnh thổ và khoa học liên quan với người cùng ngành và với những người khác.

- Đọc được bản đồ quy hoạch phát triển KT - XH các tỉnh, thành phố và cả nước.

c) Năng lực tự chủ và thái độ:

- Có tư duy phản biện, tư duy quản lí lãnh thổ trong tổ chức và quy hoạch lãnh thổ

- Độc lập phát hiện được những vấn đề QL lãnh thổ kinh tế cần phải nghiên cứu.

- Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về quy hoạch và quản lý lãnh thổ các vùng, tiểu vùng khác nhau

4.11.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.11.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

1. Lê Văn Trường. Bài giảng Quản lý lãnh thổ kinh tế. Trường ĐH Hồng Đức

2. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2005), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

3. Nguyễn Xuân Trường (2016). Phát triển vùng. NXB Đại học Thái Nguyên

- **Tài liệu tham khảo**

4. Lê Văn Trường (2005). Địa lí kinh tế-xã hội đại cương. NXB CTQG

5. Lương Xuân Quỳnh (2006), *Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

4.11.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

4.12. KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ (*Managerial Economics*) 2TC (18;24;0)

4.12.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học bao gồm các nền tảng cho thấy các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu thị trường, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư được vận dụng như thế nào để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau. Môn học có sử dụng những kỹ thuật phân tích định lượng trong phân tích kinh tế. Học viên sẽ tiếp cận được các kiến thức, kỹ năng và khả năng sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trong

phân tích kinh tế và kinh doanh.

4.12.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Vận dụng những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp.

4.12.3/ Năng lực cần đạt được

- Kiến thức: Hiểu rõ mục tiêu và phạm vi nghiên cứu của kinh tế học quản lý; Nắm vững những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp.

- Kỹ năng: Phát triển khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể; Có khả năng ứng dụng những kỹ thuật định lượng cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định trong một số lĩnh vực; Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, phân tích rủi ro để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở. Ngoài ra, trong quá trình học, học viên có cơ hội thể hiện được kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp (bao gồm kỹ năng viết và trình bày báo cáo).

- Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân.

4.12.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.12.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

1. Tạ Đức Khánh, Giáo trình Kinh tế quản lý, NXB Giáo dục, 2012

- **Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Kim Dũng & Cao Thuý Xiêm (2003), Giáo trình Kinh tế quản lý, NXB Thống kê.

4.12.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.13. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (*Managerial Economics*) 2TC (18;24;0)

4.13.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Kết thúc môn học, học viên hiểu được những vai trò, chức năng của nhà lãnh đạo, quản lý trong tổ chức; Hiểu được các phong cách lãnh đạo, quản lý năng lực và những thách thức của người lãnh đạo, quản lý trong thế kỷ 21; Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện, giao việc, ủy quyền.

4.13.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- Cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Lãnh đạo và Quản lý, giúp người học nắm bản chất của Lãnh đạo và Quản lý.
- Nắm được những nội dung cơ bản về kỹ năng, công cụ lãnh đạo và kỹ năng quản lý hiệu quả.
- Hiểu được các phong cách lãnh đạo, quản lý năng lực và những thách thức của người lãnh đạo, quản lý trong thế kỷ 21;
- Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả những kỹ năng, nghệ thuật lãnh đạo, quản lý như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện, giao việc, ủy quyền.

4.13.3/ Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Lãnh đạo và Quản lý, giúp người học nắm bản chất của Lãnh đạo và Quản lý. Nắm được những nội dung cơ bản về kỹ năng, công cụ lãnh đạo và kỹ năng quản lý hiệu quả. Vận dụng liên hệ với thực tế các hoạt động lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về lãnh đạo, quản lý vào những vấn đề thực tế liên quan. Bước đầu có thể hình thành những kỹ năng cơ bản cho người học như kỹ năng xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản trị thời gian, kỹ năng đánh giá huấn luyện, kỹ năng quản lý, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý tài

chính... Xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành sau này.

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

4.13.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.13.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

.1. Học liệu bắt buộc

1. John C.Maxwell (2012), Phát triển kỹ năng lãnh đạo (Developing the Leader within You), NXB Lao động-Xã hội.
2. James C.Humes (2016), 21 bí mật của những nhà diễn thuyết tài ba nhất lịch sử, NXB Lao Động.
3. Loren B. Belker Gary S.Topchik (2016), The first – time manager, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
4. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), Khoa học lãnh đạo, NXB lý luận chính trị.
5. PGS.TS Nguyễn Bá Dương (2015), Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng, NXB Lý luận chính trị.

.2. Học liệu tham khảo thêm

1. John C.Maxwell (2012), Tinh hoa lãnh đạo (Leadership Gold), NXB Lao động-Xã hội.
2. John C.Maxwell (2012), 21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo (The 21 irrefutable laws of Leadership), NXB Lao động-Xã hội

3. John C.Maxwell (2012), Nhà Lãnh đạo 360 0 (360 0 Leader), NXB Lao động-Xã hội

4. Jeffray A.Krames (2012), 7 CEO thành công nhất nước Mỹ, Công ty Alpha Sách và NXB Lao động – Xã hội.

5. Thmas J.Robins, Wayne D.Morrison (2003), Quản lý và kỹ thuật quản lý, 2003. James C. Humes (2016),

6. Jim Collins (2016), Từ tốt đến vĩ đại, Nhà xuất bản trẻ.

4.13.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.14. HÀNH VI TỔ CHỨC (Organizational Behavior) 2TC (18;24;0)

4.14.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến cơ sở hành vi cá nhân; giá trị, thái độ cá nhân; các học thuyết tạo động lực cá nhân; cơ sở hành vi nhóm; truyền thông và giao tiếp trong nhóm; lãnh đạo nhóm và tổ chức; văn hóa tổ chức.

4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức về lí luận, thực tiễn về tạo động lực cá nhân; cơ sở hành vi nhóm; truyền thông và giao tiếp trong nhóm; lãnh đạo nhóm và tổ chức; văn hóa tổ chức.

4.14.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những kiến thức về hành vi của cá nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Vận dụng các biện pháp tạo động lực cho các nhân, cách thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.

- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phần đầu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

4.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.14.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Phạm Thúy Hương, Bùi Anh Tuấn, Giáo trình Hành vi tổ chức, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2011
2. Nguyễn Hữu Lam Hành vi tổ chức, NXB Giáo dục 2002
3. Tạ Thị Hồng Hạnh, Hành vi tổ chức, NXB Đại học Mở TP Hồ Chí Minh, 2009
4. Robbins S.P, Organizational Behavior, United State Of America Prentice Inc, 1999.
5. Dương Thị Liễu, Văn hóa kinh doanh, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2012

4.14.6. Hình thức thi hết học phần: Viết

4.15. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN (*Laws and Standards of Accounting*) 2TC (18;24;0)

4.15.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và nâng cao về các chuẩn mực kế toán Việt nam đã ban hành bao gồm chuẩn mực chung, các chuẩn mực về yếu tố chi phí, các chuẩn mực về chi phí doanh thu, thu nhập, chuẩn mực về các khoản đầu tư và chuẩn mực về báo cáo tài chính.

4.15.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản và nâng cao về các nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được ban hành.

4.15.3/ Năng lực cần đạt được

a. Về kiến thức:

Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản và nâng cao về các nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được ban hành.

b. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

- Kỹ năng thực hiện các hoạt động kế toán trong đơn vị.

- Có kỹ năng trong thanh tra, giám sát các hoạt động kế toán của đơn vị
- Có kỹ năng lập báo cáo tài chính đơn vị.

c. Chuẩn đầu ra về năng lực và thái độ:

Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm đọc trước phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình. Giảng viên chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, trên lớp chủ yếu để giới thiệu những nội dung cơ bản mà không trình bày tất cả các nội dung của đề cương. Truyền đạt và phát huy năng lực của người học để có thể giải quyết được những tình huống cụ thể, thực tế tại đơn vị

4.15.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.15.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

(1) Hệ thống chuẩn mực kế toán, Bộ tài chính.

- **Tài liệu tham khảo**

(1) Quốc hội (2015), Luật số 88/2015/QH13: Luật kế toán, ngày 20 tháng 11 năm 2015.

(2) Bộ tài chính (2015), chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1+2 theo thông tư 200/2014/TT-BTC, Nhà xuất bản Lao Động.

4.15.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.16. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH NÂNG CAO (*Advanced Financial Accounting*) 2TC
(18;24;0)

4.16.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kế toán các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Kế toán tài sản đi thuê, Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, sai sót

kế toán, các ước tính kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất trong doanh nghiệp và các tập đoàn kinh tế.

4.16.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản và nâng cao liên quan đến nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán. Cụ thể là các nội dung khái quát về các khoản đầu tư dài hạn, thuê tài sản, thuế TNDN, chính sách kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất đảm bảo yêu cầu công việc Kế toán - Kiểm toán.

4.16.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Người học nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tài sản cố định đi thuê, các kiến thức về thuế thu nhập doanh nghiệp, phương pháp sửa chữa các sai sót kế toán cũng như trình bày thay đổi các chính sách kế toán các ước tính kế toán và các kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Kỹ năng:

- Hạch toán và trình bày các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản chi phí, ghi nhận tài sản cố định đi thuê, thuế thu nhập doanh nghiệp trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

- Có kỹ năng trong xử lý và điều chỉnh các sai sót kế toán, thay đổi chính sách kế toán và các ước tính kế toán trên sổ và báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Có kỹ năng lập báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty, tập đoàn.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4.16.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.16.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

- (1) Trần Xuân Nam (2015), Kế toán tài chính, NXB Tài chính.
- (2) Bộ tài chính (2015), chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1+2 theo thông tư 200/2014/TT-BTC, Nhà xuất bản Lao Động.

- Tài liệu tham khảo

- (1) Quốc hội (2015), Luật số 88/2015/QH13: Luật kế toán, ngày 20 tháng 11 năm 2015.
- (2) Chuẩn mực kế toán, Bộ tài chính.
- (3) Võ Văn Nhị (2015), Kế toán tài chính, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh. (4) TS. Phạm Đức Cường, TS. Trần Mạnh Dũng, (4) Đinh Thế Hùng (2015), Kế toán tài chính căn bản lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính

4.16.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.17. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO (*Advanced management accounting*) 2TC (18;24;0)

4.17.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị đương đại, trên cơ sở đó đi sâu phân tích các chủ đề về kế toán quản trị nâng cao như: các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn.

4.17.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cốt lõi bao gồm các nội dung: Tổng quan về kế toán quản trị, các phương pháp tính chi phí sản xuất, dự toán linh hoạt, đánh giá trách nhiệm quản lý và quyết định đầu tư dài hạn.

4.17.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kế toán quản trị, phương pháp xác định chi phí theo công việc và theo quá trình; các kiến thức cơ bản về dự toán linh hoạt, các trung tâm trách nhiệm và thông tin cho quyết định đầu tư dài hạn.

b) Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại

các đơn vị.

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu kiến thức về kế toán quản trị đã được nghiên cứu trong chương trình ở bậc đại học.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

4.17.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.17.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

1. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB. Tài chính, 2009

- **Tài liệu tham khảo**

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014.

2. TS Đoàn Ngọc Quế, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015.

3. PGS.TS Phạm Văn Dược, Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập, NXB Thống kê, 2010.

4.17.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.18. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NÂNG CAO (*Advanced Financial Statement Auditing*) 2TC (18;24;0)

4.18.1/ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản gắn với kiểm toán BCTC

như: các sai phạm chủ yếu trong quá trình lập và trình bày báo cáo kiểm toán; rủi ro kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên; kiểm toán báo cáo tài chính tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các công ty liên doanh, liên kết.

4.18.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được:

Học viên có khả năng nhận diện các gian lận và sai sót trọng yếu thường xảy ra khi kiểm toán báo cáo tài chính; nhận thức đúng trách nhiệm của kiểm toán viên trong quá trình triển khai hoạt động kiểm toán nhằm hạn chế rủi ro kiểm toán. Đồng thời, thông qua việc nghiên cứu các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính đặc thù tại các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các công ty liên doanh, liên kết học viên cũng sẽ có được các kiến thức và kỹ năng thực hành kiểm toán báo cáo tài chính từ khâu thiết kế và thực hiện chương trình kiểm toán, lập hồ sơ kiểm toán, điều chỉnh các sai lệch đã phát hiện.

4.18.3/ Năng lực cần đạt được:

Người học có giải quyết được vấn đề, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, có kỹ năng thực hành kiểm toán một số khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính. Thiết kế và thực hiện được chương trình kiểm toán, lập hồ sơ kiểm toán, điều chỉnh các sai lệch đã phát hiện. Học viên thực hành được kiểm toán trên những mô hình số liệu cụ thể và lập hồ sơ kiểm toán.

Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4.18.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học:

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.18.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

- Giáo trình chính:

TS Lưu Đức Tuyên; Th.S Đặng Ngọc Châu- Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính, NXB tài chính, năm 2010

- Tài liệu tham khảo:

1. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh- T.S Ngô Trí Tuệ- Giáo trình kiểm toán tài chính, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2006.
2. Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;
3. Các chuẩn mực kế toán ; Thông tư 53/2006 - TT/ BTC ngày 12/06/2006 của Bộ tài chính
4. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo các quyết định:
 - Quyết định 120/1999/QĐ-BTC ngày 27/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 219/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 143/2001/QĐ-BTC ngày 21/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 28/2003/QĐ-BTC ngày 14/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 193/2003/QĐ-BTC ngày 28/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 03/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Quyết định 101/2005/QĐ-BTC ngày 29/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

4.18.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.19. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (*Economic activities analysis*)

2TC (18;24;0)

4.19.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh tế trong quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu kết quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất, tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

4.19.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý kinh tế hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu kết quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất, tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Kiểm tra và phân tích tài chính doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

4.19.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Người học có kiến thức cơ bản cần thiết về phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp. Nắm vững các khái niệm, đặc điểm, cách phân loại các chỉ tiêu kinh tế, nhân tố kinh tế, phương pháp phân tích. Nắm vững các cách tiếp cận/tổ chức, các phương pháp/công cụ sử dụng trong quá trình

b) Kỹ năng:

- Có thể nắm được những vấn đề liên quan đến phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp
- Có thể sử dụng được thành thạo và thích hợp các phương pháp phân tích trong phân tích các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp để phân tích các hoạt động kinh tế.
- Có thể cung cấp thông tin về kết quả hoạt động cũng như chỉ ra nguyên nhân để phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý để đưa ra những quyết định đúng đắn.
- Có thể tư vấn cho nhà quản lý trong việc lựa chọn các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4.19.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.19.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang, Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

2. TS. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Lao động- xã hội, 2013

- Tài liệu tham khảo

1. TS. Nguyễn Thị Xuân, Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB thống kê, 2012.

2. TS. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích kinh tế lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính, 2003.

3. Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.19.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.20. CHÍNH SÁCH VÀ NGHIỆP VỤ THUẾ (*Tax and Tax policy*) 2TC (18;24;0)

4.20.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Chính sách và Nghiệp vụ Thuế cung cấp những nội dung cốt lõi như: Những vấn đề cơ bản về thuế; Quản lý thuế; Hệ thống thuế hiện hành tại Việt Nam. Hơn thế nữa học phần cũng cung cấp kiến thức nâng cao về chính sách cũng như nghiệp vụ thực hiện một số sắc thuế quan trọng của hệ thống thuế hiện hành tại Việt Nam như Thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN..Quan đó người học có thể nắm vững kiến thức chuyên ngành về thuế và có thể vận dụng hiệu quả những kỹ năng về quản lý thuế vào quá trình quản trị doanh nghiệp.

4.20.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên cần nắm vững các kiến thức về:

- **Những vấn đề cơ bản về thuế:** Lịch sử hệ thống thuế; Khái niệm và đặc điểm của thuế; Chức năng của thuế; Phân loại thuế; Các yếu tố cấu thành một sắc thuế; Quá trình đổi mới hệ thống thuế tại Việt Nam

- **Quản lý thuế:** Những vấn đề chung về quản lý thuế; Nội dung quản lý thuế tại Việt Nam; Dịch vụ thuế và tư vấn thuế.

- **Chính sách và nghiệp vụ thuế hiện hành tại Việt Nam và vận dụng trong quá trình quản trị doanh nghiệp:**

+ Quản trị thuế GTGT đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế GTGT; Nội dung cơ bản của luật thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế GTGT trong quản trị tài chính của các doanh nghiệp hiện nay.

+ Quản trị thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế TTĐB; Nội dung cơ bản của luật thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế TTĐB trong quản trị hoạt động TTĐB của các doanh nghiệp hiện nay.

+ Quản trị thuế xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế XNK; Nội dung cơ bản của luật thuế XNK hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế XNK trong quản trị hoạt động XNK của các doanh nghiệp hiện nay

+ Quản trị thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp hiện nay: Những vấn đề chung về thuế TNDN; Nội dung cơ bản của luật thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam; Vận dụng kiến thức về thuế TNDN trong quản trị hoạt động TNDN của các doanh nghiệp hiện nay

4.20.3/ Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và nâng cao có tính hệ thống về Chính sách và Nghiệp vụ Thuế, giúp người học nắm bản chất của Thuế, các sắc thuế hiện hành, quá trình quản lý thuế. Có khả năng vận dụng liên hệ với thực tế các hoạt động quản trị tài chính tại các doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về chính sách và nghiệp vụ thuế; quản lý thuế, các sắc thuế cụ thể vào những vấn đề thực tế liên quan đối với hoạt động quản trị tài chính tại doanh nghiệp. Bước đầu có thể hình thành những kỹ năng cơ bản cho người học về quản lý tài chính, quản lý thuế...

Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phấn đấu trở thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

4.20.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.20.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

.1. Học liệu bắt buộc

- TL1: TS Lê Hoàng Bá Huyền; PSG.TS Nguyễn Thị Bất - đồng chủ biên - Chính sách và nghiệp vụ Thuế - NXB Lao động - Năm 2016.

- TL2: TS Lê Hoàng Bá Huyền và các cộng sự - Câu hỏi và bài tập thuế - NXB Lao động - Năm 2016.

.2. Học liệu tham khảo thêm

- TL1: PGS.TS Nguyễn Thị Liên; PSG.TS Nguyễn Văn Hiệu – Thuế – NXB Tài chính – Năm 2008.

- TL2: Luật quản lý thuế, các luật thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCD và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các luật trên.

4.20.6/ Hình thức thi hết học phần; Viết

4.21. PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(*Preparation and Analysis of Financial Statement*) 2TC (18;24;0)

4.21.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về báo cáo tài chính, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, phân tích về khái quát về tình hình, cấu trúc tài chính và đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích về tình hình khả năng thanh toán của doanh nghiệp, phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích triển vọng của doanh nghiệp.

4.21.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp, khả năng thanh toán và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó đưa ra các dự báo tài chính và triển vọng của doanh nghiệp trong tương lai.

4.21.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Người học có kiến thức cơ bản cần thiết về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nắm vững các phương pháp, kỹ thuật về phân tích báo cáo tài chính, các kiến thức đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng tính toán các chỉ tiêu tài chính để đánh giá khái quát tình hình tài chính, cấu trúc tài chính, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Có thể sử dụng được thành thạo và thích hợp các phương pháp phân tích trong phân tích báo cáo tài chính

- Có kỹ năng trong đọc đánh giá báo cáo tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu phân tích

- Có thể tư vấn cho nhà quản lý trong việc lựa chọn các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4.21.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.21.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

1. Phan Đức Dũng, Phân tích báo cáo tài chính lý thuyết-bài tập-bài giải, NXB Tài Chính

2. Đại học kinh tế quốc dân, giáo trình phân tích báo cáo tài chính, nhà xuất bản đại học kinh tế quốc , 2017

- Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang , Phân tích báo cáo tài chính, NXB tài chính, 2016.

2. PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích báo cáo tài chính, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2013.

3. Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.21.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.22. KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM 2TC (18;24;0)

4.22.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị đương đại, trên cơ sở đó đi sâu phân tích các chủ đề về kế toán quản trị nâng cao như: các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn.

4.22.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tổng quan về kế toán trách nhiệm, nắm được khái niệm, bản chất, vai trò và mối quan hệ giữa kế toán trách nhiệm với tổ chức phân cấp quản lý. Tổ chức các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp, xác định được các chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm, xây dựng hệ thống báo cáo trách nhiệm trong doanh nghiệp. Hiểu được bản chất kế toán trách nhiệm với xã hội, môi trường và các bên liên quan.

4.22.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức: Học viên được trang bị những kiến thức có tính hệ thống về kế toán trách nhiệm. Tổ chức các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp, xác định được các chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm. Hiểu được bản chất kế toán trách nhiệm với xã hội, môi trường và các bên liên quan.

b) Kỹ năng:

- Học viên được cung cấp các kỹ năng phân tích thông tin, vận dụng các kiến thức về kế toán trách nhiệm để giải quyết các tình huống trong thực tế có thể phát sinh tại các đơn vị.

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu kiến thức về kế toán trách nhiệm đã được nghiên cứu trong chương trình ở bậc đại học.

- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu, xét đoán, tư duy phản biện và làm việc theo nhóm.

c) Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan

4.22.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.22.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014.

- Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, NXB. Tài chính, 2009
2. TS Đoàn Ngọc Quế, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015.
3. PGS.TS Phạm Văn Dược, Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập, NXB Thống kê, 2010.
4. Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.22.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.23. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG (*Public management*) 2TC (18;24;0)

4.23.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung cốt lõi của học phần Quản lý Tài chính công đó là: Chức năng, vai trò của Tài chính công, nội dung quản lý Tài chính công; Hệ thống Ngân sách nhà nước và quản lý chu trình Ngân sách nhà nước; Quản lý thu Ngân sách nhà nước; Quản lý quá trình chi của Ngân sách nhà nước; Tổ chức cân đối Ngân sách nhà nước; Quản lý các quỹ Tài chính công ngoài ngân sách nhà nước.

4.23.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên hiểu được những kiến thức cơ bản và nâng cao về Quản lý Tài chính công, bao gồm:

- Chức năng, vai trò của Tài chính công,
- Nội dung quản lý Tài chính công;
- Hệ thống Ngân sách nhà nước và quản lý chu trình Ngân sách nhà nước;
- Quản lý thu Ngân sách nhà nước;
- Quản lý quá trình chi của Ngân sách nhà nước;
- Tổ chức cân đối Ngân sách nhà nước;
- Quản lý các quỹ Tài chính công ngoài ngân sách nhà nước.

4.23.3/ Năng lực cần đạt được

a) Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công nâng cao; Kiến thức cơ bản về Ngân sách nhà nước và cân đối ngân sách nhà nước.
- Nắm bắt các kỹ thuật phân tích tài chính và phát triển chính sách, các phương pháp phân tích, lập kế hoạch ngân sách.
- Khả năng xây dựng quy trình đánh giá tác động kết quả của chính sách công đến kinh tế - xã hội.

b) Kỹ năng

Người học tích lũy kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính công.

c) Thái độ

- Tôn trọng đạo đức xã hội và nghề nghiệp.
- Có tư cách đạo đức, trách nhiệm với xã hội và công việc.
- Tinh thần làm việc kỷ luật cao, độc lập, sáng tạo và chuyên nghiệp trong công việc; hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và xã hội.

4.23.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.23.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. Học liệu bắt buộc

1. Giáo trình Quản lý Tài chính công - Chủ biên: TS. Phạm Văn Khoan - NXB Tài chính 2008;
2. Giáo trình Quản lý Tài chính công - Chủ biên: PGS.TS. Dương Đăng Chinh; TS. Phạm Văn Khoan - NXB Tài chính 2005.
3. Luật Ngân sách nhà nước số 85/2015QH13
4. Luật quản lý thuế năm 2006
5. Luật quản lý thuế, các luật thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCD và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành các luật trên.

2. Học liệu tham khảo thêm

1. Harvey S. Rosen, *Public Finance*, bản tiếng Việt do Khoa Tài chính nhà nước Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh dịch, TP HCM.
2. *Public finance*, Jonathan Gruber, Massachusetts Institute of Technology, 2005.
3. *Public finance*, Harvey Rosen, Princeton University, 2005
4. Joseph E. Stiglitz, *Kinh tế học công cộng*, bản tiếng Việt, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật và Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

4.23.6/ Hình thức thi hết học phần; Viết

4.24. Phân tích quyết toán 2TC (18;24;0)

4.24.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các vấn đề chung về đối tượng và phương pháp phân tích báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động; thuyết minh báo cáo quyết toán; phân tích tình hình kinh phí và sử dụng kinh phí ở các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.24.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên phải nắm được đối tượng phân tích, phương pháp phân tích báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; hệ thống báo cáo quyết toán; phân tích tình hình kinh phí và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước ở các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.24.3/ Năng lực cần đạt được

a. Về kiến thức:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích quyết toán, bao gồm mục đích, nhiệm vụ phân tích, đối tượng và nội dung phân tích, phương pháp kỹ thuật tính toán của phân tích báo cáo quyết toán của đơn vị hành chính sự nghiệp. Giúp học viên có thể thực hiện phân tích tình hình kinh phí và sử dụng kinh phí của đơn vị hành chính sự nghiệp.

b. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

Người học có thể thực hiện được việc phân tích tình hình kinh phí và sử dụng kinh phí của đơn vị hành chính sự nghiệp thông qua các phương pháp kỹ thuật phân tích như phương pháp so sánh, phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp số chênh lệch, phương pháp liên hệ cân đối. Tính toán và xử lý các tình huống có liên quan đến từng nội dung theo sự hướng dẫn của giáo viên. Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản của môn học vào học tập nghiên cứu các môn học khác và phục vụ cho viết luận văn tốt nghiệp.

c. Chuẩn đầu ra về năng lực và thái độ:

Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm đọc trước phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình. Giảng viên chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, trên lớp chủ yếu để giới thiệu những nội dung cơ bản mà không trình bày tất cả các nội dung của đề cương. Truyền đạt và phát huy năng lực của người học để có thể giải quyết được những tình huống cụ thể, thực tế tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.24.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.24.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính

[1] Th.s. Dương Ngọc Ánh - Giáo trình Phân tích quyết toán cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, NXB Tài chính; năm 2008.

[2] Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp - NXB Tài chính – Năm 2017 (Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính).

- Tài liệu tham khảo

[1] Thông tư số 107/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10 tháng 10 năm 2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

[2] Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

[3] Luật số 83/2015/QH13 Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015 về ban hành Luật Ngân sách nhà nước;

[4] Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

[5] Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 10 năm 2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

[6] Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

[7] Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

[8] Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.

4.24.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.25. KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán ngân sách nhà nước. Các vấn đề về kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của các cơ quan, tổ chức nhà nước, các đơn vị có sử dụng NSNN, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có sử dụng vốn của nhà nước.

2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kiến thức cốt lõi bao gồm các nội dung: những kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; kiểm toán quyết toán thu, chi ngân sách, tính đúng đắn, hợp pháp báo cáo quyết toán ngân sách.

3/ Năng lực cần đạt được

a) *Kiến thức*: Người học nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về đặc điểm, trình tự lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; báo cáo quyết toán thu chi ngân sách, tính hợp pháp, đúng đắn báo cáo quyết toán ngân sách; cách thức kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; kiểm toán báo cáo quyết toán thu chi ngân sách.

b) *Kỹ năng*:

- Có kỹ năng trong việc nắm bắt, xử lý các sai phạm liên quan đến lập, trình bày, nội dung, tính hợp pháp hợp lệ của báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; báo cáo quyết toán thu chi ngân sách.

- Giúp người học có kỹ năng vận dụng linh hoạt các trình tự, các quy định của pháp luật liên quan đến kiểm toán thanh quyết toán các vấn đề liên quan đến nguồn ngân sách nhà nước.

c) *Thái độ*: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

(1) TS Lưu Đức Tuyên; Th.S Đặng Ngọc Châu – Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính, NXB tài chính, năm 2010

- Tài liệu tham khảo

(1) Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13;

(2) Các chuẩn mực kế toán ; Thông tư 53/2006 - TT/ BTC ngày 12/06/2006 của Bộ tài chính

(3) Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo các quyết định:

- Quyết định 120/1999/QĐ-BTC ngày 27/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 219/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 143/2001/QĐ-BTC ngày 21/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 28/2003/QĐ-BTC ngày 14/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 193/2003/QĐ-BTC ngày 28/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 03/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Quyết định 101/2005/QĐ-BTC ngày 29/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

(4) Quyết định số 02/2008/QĐ-KTNN ngày 15/02/2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

(5) Quyết định số 02/2009/QĐ-KTNN ngày 07/4/2009 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

(6) Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

(7) Quyết định ban hành về quy trình kiểm toán số 05/2012/QĐ-KTNN ngày 06/04/2012

6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.26. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG TỔ CHỨC (*Organizational Behavior*)
2TC (18;24;0)

4.28.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và phát triển chiến lược kinh doanh và sự vận dụng trong thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về CL và QTCL; phát triển chiến lược, mô hình nội dung phát triển CLKD theo tiếp cận quản trị chiến lược hiện đại: xác định định hướng phát triển CLKD của DN trên cơ sở phân tích ma trận SWOT, ma trận IE., phát triển

chiến lược đáp ứng thị trường mục tiêu của DN, phát triển chiến lược cung ứng & truyền thông và thực hiện giá trị trên thị trường mục tiêu của DN, phát triển tổ chức và lãnh đạo CLKD của DN.

4.28.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau môn học, học viên sẽ nắm được kiến thức về lí luận, thực tiễn, các định hướng và giải pháp quản trị và phát triển chiến lược kinh doanh cho các DN Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

4.28.3/ Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho người học những hiểu biết sâu hơn quản trị chiến lược của doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học những thông tin khoa học cập nhật về xu hướng quản trị chiến lược trong bối cảnh hiện nay.
- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng và quản trị chiến lược của một doanh nghiệp cụ thể.
- Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phần đầu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

4.28.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học
 - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
 - + Tự học: 90 tiết
- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.28.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

1. Học liệu bắt buộc

- PGS.TS Ngô Kim Thanh (2017), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.

.2. Học liệu tham khảo thêm

1. Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Bách Khoa (2010), *Tái cấu trúc chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp ngành may Việt Nam*, Hội thảo quốc tế "Tái cấu trúc các DN ngành công thương VN", ĐHTM.
- [2]. Bùi Xuân Nhân & Nguyễn Hoàng Long (2010), *Phát triển chiến lược kinh doanh của các DN ngành may Việt Nam*, Đề tài NCKH Cấp Bộ GD&ĐT.
- [3]. Nguyễn Hoàng Việt (2010), *Luận cứ khoa học phát triển CLKDTM của các DNNCP ngành may VN*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, ĐHTM.
- [4]. Tôn Thất Nguyễn Thiêm (2006), *Thị trường - Chiến lược - Cơ cấu*, NXB Trẻ
- [5]. Pearce & Robinson (2010), *Strategic Management - Formulation, Implementation and Control*, NXB McGraw-Hill.
- [6]. Michael A. Hitt; R. Duane Ireland; Robert E. Hoskisson; Rowe Sheppard (2009), *Strategic Management - Competitiveness and Globalization, Second Edition*, NXB Thompson Canada.

4.28.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.27. KẾ TOÁN CÔNG (Accounting for Public Sector) 2TC (18;24;0)

4.27.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm công tác kế toán, nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể, cách lập báo cáo tài chính trong các đơn vị thuộc lĩnh vực hoạt động của nhà nước, đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán, tổ chức công tác kế toán trong các tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực hoạt động của nhà nước. Phương pháp hạch toán kế toán các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguồn kinh phí, kế toán hàng tồn kho, TSCĐ, kế toán thanh toán, kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập Báo cáo tài chính trong các đơn vị thuộc lĩnh vực hoạt động của nhà nước giúp cho việc ghi chép tổng hợp thuận tiện cho việc lập báo cáo nhanh chóng, kịp thời chính xác phục vụ cung cấp thông tin cho công tác quản lý chỉ đạo kịp thời đơn vị.

4.27.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tổng quan về hệ thống kế toán công, Kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, Kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước.

4.27.3/ Năng lực cần đạt được

a. Về kiến thức:

Người học nắm được những nguyên tắc cơ bản áp dụng cho kế toán công, những kiến thức cơ bản về kế toán công - hệ thống thông tin và kiểm tra các hoạt động tài chính liên quan đến ngân sách nhà nước.

b. Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

Giúp người học có kỹ năng giải quyết vấn đề, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, kho bạc Nhà nước.

c. Chuẩn đầu ra về năng lực và thái độ:

Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm đọc trước phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình. Giảng viên chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, trên lớp chủ yếu để giới thiệu những nội dung cơ bản mà không trình bày tất cả các nội dung của đề cương. Truyền đạt và phát huy năng lực của người học để có thể giải quyết được những tình huống cụ thể, thực tế tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

4.27.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

- + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.27.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

.1. Học liệu bắt buộc

1. Bắt buộc:

Học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo (Tên tác giả, tên sách, NXB, năm xuất bản, website..) theo thứ tự ưu tiên

1. Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp - NXB Tài chính – Năm 2017 (Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính).

3. Phạm Văn Khoan, Phạm Văn Liên, Giáo trình Kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc, NXB Tài chính, 2010, Học viện Tài chính.

.2. Học liệu tham khảo thêm

1. Luật kế toán 2015
2. PGS. TS Dương Đăng Chinh, TS. Phạm Văn Khoan, Giáo trình Quản lý tài chính công, NXB Tài chính, 2009, Học viện Tài chính.
3. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

4.27.6/ Hình thức thi hết học phần: Viết

4.28. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (*Advanced state management in Economics*) 2TC (18;24;0)

4.28.1/ Tóm tắt nội dung học phần

Là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý khoa học của quản lý nhà nước về kinh tế. Trong đó đi sâu nghiên cứu những nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và đối với các DN nhà nước, 1 số ngành, lĩnh vực kinh tế chủ chốt.

4.28.2/ Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Những nguyên lý cơ bản của QLNN về Kinh tế và ứng dụng trong thực tiễn Quản lý NN về Kinh tế.

4.28.3/ Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về những nguyên lý khoa học hiện đại trong QLNN về kinh tế, đặc biệt là những nội dung và các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và trong 1 số ngành, lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế.

- Về kỹ năng: Giúp học viên có được phương pháp, kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.

- Thái độ: Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân.

4.28.4/ Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.28.5/ Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

- **Giáo trình chính**

1. GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS. Mai Văn Bruu (2008), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

- **Tài liệu tham khảo**

2. GS.TS. Phan Huy Đường(2015), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

3. GS.TS. Lương Xuân Quỳnh (2006), *Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

4.28.6/ Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần: Viết

4.25. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP (Thesis) 15TC

Thời gian thực hiện luận văn tốt nghiệp là 6 tháng, sau khi kết thúc các học phần chung, học phần của khối kiến thức cơ sở, học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

Học viên đăng ký nguyện vọng lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận văn, khoa đào tạo phối hợp với phòng đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định phân công người hướng dẫn.

Nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận văn và bảo vệ luận văn thực hiện theo quy định tại Điều 25 và 26 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; Quy cách trình bày luận văn thực hiện theo quyết định số 512 /QĐ-

ĐHHD ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về Quy định về thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ.

5. Quy định về đánh giá học phần

Trích Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 692 ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức:

- Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần.

- Quy trình đánh giá học phần:

a) Giảng viên phụ trách học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo yêu cầu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi giảng dạy xong học phần, giảng viên nộp điều kiện dự thi (điểm kiểm tra, điểm chuyên cần) có xác nhận của Khoa quản lý về Bộ phận quản lý đào tạo sau đại học và lưu điều kiện dự thi tại Khoa, Bộ môn.

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Bộ đề thi kết thúc học phần gồm 4 đề thi và đáp án, đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề thi và trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.

Phòng Đào tạo phát hành lịch thi và tổ chức thi các học phần, khi có đủ điều kiện dự thi.

b) Việc chấm bài kiểm tra và điểm chuyên cần, tinh thần thái độ học tập do giảng viên giảng dạy học phần đảm nhiệm và công bố công khai trước tập thể lớp. Việc

chấm bài thi kết thúc học phần do trưởng bộ môn tổ chức cho hai giảng viên chấm thi theo đáp án và thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn quyết định.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần:

Học viên tham gia: + 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;

+ 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9;

+ 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8;

+ 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7;

+ 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6;

+ 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm học phần: } \text{ĐHP} = 0,3\text{KT} + 0,2\text{CC} + 0,5\text{ĐT}.$$

d) Kết quả chấm thi học phần chuyển về bộ phận quản lý đào tạo sau đại học để thông báo kết quả cho học viên. Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do trường quy định, có chữ kí của các giảng viên chấm thi.

e) Các điểm kiểm tra, điểm chuyên cần và điểm thi hết học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo.

g) Bộ phận quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo; hồ sơ tài liệu khác của các kì thi, kiểm tra phải được lưu trữ lâu dài.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

c) Tham dự đầy đủ các buổi thực hành, sinh hoạt khoa học.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng một trong các buổi thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác; vắng mặt có lí do chính đáng một trong các buổi sinh hoạt khoa học được Trưởng bộ môn xem xét cho nộp báo cáo khoa học thay thế.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng một trong các kì kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số môn có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

6. Xử lí vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập, tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

7. Đối với học phần tiếng Anh, sau khi học xong tiếng Anh 1, 2 và thi đạt yêu cầu, Nhà trường tổ chức đánh giá đầu ra tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam cho học viên. Lệ phí thi do học viên đóng theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

8. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ hoặc tiếng Anh và được bảo lưu điểm ngoại ngữ theo quy định, khi có đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ như sau:

a- Có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

b- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c- Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

d- Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh TOEFL: TOEFL 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS, chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

e- Trình độ năng lực tiếng Anh đạt được ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng chỉ tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra.

6. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

- Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

- Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới ... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế

- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được trích dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên của trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

+ Phòng học có trang bị máy tính, máy chiếu, micro không dây...

+ Phòng học đa năng: Cần trang bị một phòng học đa năng để có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

+ Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

8. Hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán xây dựng trên cơ sở quy định về chương trình đào tạo trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kèm theo 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692 /QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức và các quy định xây dựng chương trình của Trường ĐH Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng chuyên ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Khối kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán có 12 tín chỉ (Triết học; Tiếng Anh, Phương pháp nghiên cứu khoa học), được giảng dạy theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán có 15 tín chỉ, trong đó 3 học phần bắt buộc (7TC), 4 học phần tự chọn (8TC) trong 8 học phần.

Khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán có 18 tín chỉ, trong đó 4 học phần bắt buộc (8TC), 5 học phần tự chọn (10TC) trong 7 học phần. Việc chọn 5 trong 7 học phần là tùy thuộc vào năng lực, yêu cầu và hướng nghiên cứu của học viên.

Phương pháp giảng dạy: Giảng viên tùy thuộc vào đặc thù của học phần để xây dựng kế hoạch giảng dạy cụ thể, nhằm phát huy tối đa năng lực và tính sáng tạo của học viên.

Chương trình đào tạo chuyên ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần Trường các khoa, bộ môn chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường,

của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc chi tiết cho từng học phần và cho toàn khoá đào tạo.

Trưởng khoa quản lý chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

TRƯỞNG KHOA



Lê Hoàng Bá Huyền



Hoàng Nam



Hoàng Nam